

PHÂN TÍCH DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYỀN QUANG NĂM 2022

ThS.DS Vũ Đình Phóng¹, DS. Trần Nguyễn Hồng Ngọc²

¹Trường Đại học Hòa Bình

²Trường Đại học Đại Nam

Tác giả liên hệ: phong.vudinh@gmail.com

Ngày nhận: 29/02/2024

Ngày nhận bản sửa: 05/3/2024

Ngày duyệt đăng: 14/3/2024

Tóm tắt

Xác định cơ cấu và phân tích theo phân loại ABC/VEN danh mục thuốc (DMT) sử dụng tại Trung tâm y tế (TTYT) huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang năm 2022. Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, hồi cứu DMT sử dụng tại TTYT huyện Yên Sơn từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022. Kết quả: DMT sử dụng tại đơn vị năm 2022 có tổng giá trị > 9 tỷ đồng. Thuốc hóa dược chiếm 70,83% về số khoản mục và 89,51% về giá trị. Thuốc sản xuất trong nước chiếm 73,24% về số khoản mục và 76,48% về giá trị. Thuốc đơn thành phần chiếm 79,12% về số khoản mục và 77,23% về giá trị. Thuốc biệt dược gốc chiếm tỷ lệ 1,18% về số lượng và 0,12% về giá trị, còn lại là thuốc generic chiếm 98,82% số lượng và 99,88% giá trị. Thuốc đường uống chiếm 60% về số khoản mục và 65,45% về giá trị. Các thuốc nhóm A, B, C chiếm tỷ lệ về số khoản mục và giá trị tương ứng là 32,35%, 25,59%, 42,06% và 79,92%, 15,02%, 5,06%. Các thuốc nhóm V, E, N chiếm tỷ lệ về số khoản mục và giá trị tương ứng là 44,12%, 48,82%, 7,06% và 45,75%, 50,87%, 3,38%. Các thuốc nhóm I, II, III chiếm tỷ lệ về số khoản mục và giá trị tương ứng là 63,24%, 32,06%, 4,70% và 87,35%, 11,86%, 0,79%.

Từ khóa: Danh mục thuốc, phương pháp ABC/VEN, Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn.

Analysis of Drug Inventory Utilization at Yen Son District Health Center, Tuyen Quang Province in 2022

MA. Vu Dinh Phong¹, Pharmacist. Tran Nguyen Hong Ngoc²

Hoa Binh University

Dai Nam University

Corresponding Authors: phong.vudinh@gmail.com

Abstract

This study aimed to analyze and classify the drug inventory (DI) utilization at Yen Son District Health Center (YSDHC) in Tuyen Quang Province in 2022 using the ABC/VEN classification. The research design employed a cross-sectional descriptive and retrospective approach, examining the DI utilization at YSDHC from January 2022 to December 2022. The results revealed that the total value of DI utilization in 2022 exceeded 9 billion Vietnamese Dong. Pharmaceuticals accounted for 70.83% of the total number of items and 89.51% of the total value. Domestically manufactured drugs constituted 73.24% of the total number of items and 76.48% of the total value. Single-component drugs represented 79.12% of the total number of items and 77.23% of the total value. Branded generic drugs accounted for 1.18% of the total quantity and 0.12% of the total value, while generic drugs constituted 98.82% of the total quantity and 99.88% of the total value. Oral medications comprised

60% of the total number of items and 65.45% of the total value. The proportions of drugs in categories A, B, and C were 32.35%, 25.59%, and 42.06% for the total number of items, and 79.92%, 15.02%, and 5.06% for the total value, respectively. Drugs in categories V, E, and N accounted for 44.12%, 48.82%, and 7.06% of the total number of items, and 45.75%, 50.87%, and 3.38% of the total value, respectively. Drugs in categories I, II, and III represented 63.24%, 32.06%, and 4.70% of the total number of items, and 87.35%, 11.86%, and 0.79% of the total value, respectively.

Keywords: Drug inventory, ABC/VEN method, Yen Son District Health Center.

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới, việc lựa chọn thuốc sử dụng trong các cơ sở y tế còn nhiều bất cập. Kinh phí mua thuốc thường chiếm khoảng 30% - 40% ngân sách y tế nhiều nước và phần lớn số tiền đó bị lãng phí do sử dụng thuốc không hợp lý và các hoạt động cung ứng thuốc không hiệu quả [1]. Tại Việt Nam, tiền thuốc sử dụng trong bệnh viện thường chiếm khoảng 60% ngân sách của bệnh viện [2]. Trong những năm qua, nhiều nghiên cứu phân tích DMT đã được thực hiện tại các cơ sở y tế các cấp từ tuyến trung ương đến địa phương, tại các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa. Những bất cập trong sử dụng thuốc đã được chỉ ra tại các bệnh viện tuyến tỉnh như: cơ cấu DMT theo phân tích ABC/VEN chưa hợp lý, thuốc biệt dược gốc và thuốc nhập khẩu có tỷ lệ số lượng và giá trị lớn... [3, 4].

Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang là đơn vị sự nghiệp y tế công lập hạng III, trực thuộc Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang, được thành lập từ năm 1964. Hiện nay, với quy mô 210 giường bệnh, trên 105 cán bộ biên chế và hợp đồng, phụ trách chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn huyện và địa phương lân cận.

Để kịp thời phát hiện những bất cập, từ đó, có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp trong việc lựa chọn và sử dụng thuốc tại bệnh viện, giúp tiết kiệm ngân sách, đảm bảo hiệu quả, an toàn và kinh

tế cho người bệnh, việc phân tích DMT là rất quan trọng. Vì lý do đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu chủ đề: “*Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang năm 2022*” với hai mục tiêu: (i) Xác định cơ cấu DMT sử dụng tại TTYT huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang năm 2022; (ii) Phân tích DMT sử dụng tại TTYT huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang năm 2022 theo phương pháp ABC/VEN.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: DMT sử dụng tại TTYT huyện Yên Sơn năm 2022 từ tháng 01/2022 đến hết tháng 12/2022.

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Phương pháp nghiên cứu: Hồi cứu tài liệu.

Xử lý và phân tích số liệu:

- Xác định cơ cấu DMT sử dụng tại TTYT huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang năm 2022 theo: thuốc hóa dược, thuốc đông y, thuốc dược liệu; theo nhóm tác dụng; theo nguồn gốc, xuất xứ; theo biệt dược gốc và thuốc generic; theo thành phần và đường dùng. So sánh số lượng thuốc sử dụng thực tế với số lượng trúng thầu.

- Phân tích DMT sử dụng tại TTYT huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang năm 2022 theo phương pháp ABC/VEN.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Kết quả phân tích cơ cấu DMT tại TTYT huyện Yên Sơn năm 2022

a) *Cơ cấu DMT theo thuốc hóa dược, thuốc đông y, thuốc dược liệu*

Bảng 1. Cơ cấu DMT theo phân loại thuốc hóa dược, thuốc đông y, thuốc dược liệu

STT	Nhóm thuốc	Số khoản mục (SKM)		Giá trị (GT)	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc hóa dược	340	70,83	8,337,945,972	89,51
2	Thuốc đông y, thuốc dược liệu	140	29,17	977,333,047	10,49
Tổng		480	100	9,315,279,019	100

Nhận xét: Trong năm 2022, Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn sử dụng 480 khoản mục gồm: thuốc hóa dược có 340 khoản mục tương ứng 70,83%, chiếm 89,51% tổng giá trị. Thuốc dược liệu, vị thuốc cổ truyền và thuốc cổ truyền chiếm 29,17% số khoản mục và 10,49% tổng giá trị.

Cơ cấu trên cho kết quả khá tương đồng với một số nghiên cứu trước đó tại các bệnh viện, TTYT cùng hạng như TTYT huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên năm 2019 và TTYT huyện An Dương, Hải Phòng năm 2019 [5, 6].

b) Cơ cấu DMT sử dụng theo nhóm tác dụng dược lý

Bảng 2. Cơ cấu DMT sử dụng theo nhóm tác dụng dược lý

STT	Nhóm tác dụng dược lý	Số khoản mục		Giá trị tiền	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc gây tê, gây mê, thuốc giãn cơ.	13	3,82	53,133,912	0,64
2	Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid; thuốc điều trị gút và các bệnh xương khớp	35	10,29	493,075,209	5,91
3	Thuốc chống dị ứng	7	2,06	276,666,537	3,32
4	Thuốc giải độc	3	0,88	2,184,500	0,03
5	Thuốc chống co giật, chống động kinh	2	0,59	229,474	0,00
6	Thuốc chống chống nhiễm khuẩn	90	26,47	3,793,833,394	45,50
7	Thuốc điều trị bệnh đường tiết niệu	1	0,29	14,000,800	0,17
8	Thuốc tác dụng đối với máu	7	2,06	70,718,560	0,85
9	Thuốc tim mạch	56	16,47	1,536,192,742	18,42
10	Thuốc tẩy trùng và sát khuẩn	2	0,59	14,579,000	0,17
11	Thuốc lợi tiểu	1	0,29	498,300	0,01
12	Thuốc đường tiêu hóa	44	12,94	759,583,493	9,11
13	Hormon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết	13	3,82	573,499,230	6,88
14	Thuốc làm mềm cơ và ức chế cholinesteras	2	0,59	19,706,400	0,24
15	Thuốc điều trị bệnh mắt, tai mũi họng	9	2,65	192,751,260	2,31
16	Thuốc có tác dụng thúc đẻ, cầm máu sau đẻ và chống đẻ non	4	1,18	10,903,320	0,13
17	Thuốc chống rối loạn tâm thần và thuốc tác động lên hệ thần kinh	8	2,35	211,283,780	2,53

18	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	13	3,82	90,953,980	1,09
19	Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải, cân bằng acid – base và các dung dịch tiêm truyền khác	19	5,29	117,132,552	1,40
20	Khoáng chất và vitamin	11	3,24	107,019,529	1,28
Tổng		340	100	8,337,945,972	100

Nhận xét: Danh mục 340 thuốc TTYT huyện Yên Sơn sử dụng năm 2022 phân bố ở 20 nhóm tác dụng dược lý. Nhóm thuốc chống nhiễm khuẩn chiếm số lượng nhiều nhất (90 khoản mục tương ứng với 26,47%), tiếp đó là nhóm thuốc tim mạch (56 khoản mục tương ứng với 16,47%).

Thực trạng này là do bệnh nhiễm trùng vẫn chiếm tỷ lệ cao (44,25%) trong cơ cấu bệnh tật của TTYT, cộng thêm việc sử dụng

kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật làm cho tỷ lệ sử dụng nhóm thuốc kháng sinh cao nhất. Tiếp đến là nhóm thuốc tim mạch xếp thứ hai với tỉ lệ 25,47%.

Kết quả trên cũng khá tương đồng với kết quả từ các nghiên cứu trước đó về cơ cấu DMT sử dụng theo nhóm tác dụng dược lý ở các bệnh viện, TTYT cùng hạng.

c) *Cơ cấu DMT sử dụng theo nguồn gốc xuất xứ*

Bảng 3. Cơ cấu DMT sử dụng theo nguồn gốc xuất xứ

STT	Nguồn gốc	Số khoản mục		Giá trị tiền	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc nội	249	73,24	6,376,883,987	76,48
2	Thuốc ngoại	91	26,76	1,961,061,985	23,52
Tổng		340	100	8,337,945,972	100

Nhận xét: Phần lớn các thuốc sử dụng tại TTYT huyện Yên Sơn trong năm 2022 là thuốc nội. Cụ thể, có 249 thuốc nội đã được sử dụng, chiếm tỷ lệ 73,24 % số khoản mục và 76,48% tổng giá trị. Nhóm thuốc ngoại có 91 thuốc, chiếm 26,76% số khoản mục và 23,52% tổng giá trị.

Trong các tiêu chí lựa chọn thuốc sử dụng tại bệnh viện, Bộ Y tế (BYT) đã đưa ra mục tiêu cần ưu tiên lựa chọn thuốc sản xuất trong nước. Việc tăng tỷ lệ sử dụng thuốc sản xuất trong

nước sẽ giúp giảm gánh nặng chi phí chữa bệnh cho người bệnh, đồng thời, là động lực để công nghiệp sản xuất dược phẩm trong nước phát triển. Cơ cấu DMT sử dụng tại TTYT huyện Yên Sơn cho thấy tỷ lệ về số khoản mục thuốc nội chiếm 73,24% tương ứng với 76,48% tổng giá trị trong DMT tại TTYT phù hợp với mục tiêu trong Đề án “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam” [7].

d) *Cơ cấu DMT sử dụng theo thuốc đơn và đa thành phần*

Bảng 4. Cơ cấu DMT sử dụng theo thuốc đơn/ đa thành phần

STT	Nhóm thuốc	Số khoản mục		Giá trị tiền	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc đơn thành phần	269	79,12	6,447,134,627	77,23
2	Thuốc đa thành phần	71	20,88	1,890,811,345	22,67
Tổng		340	100	8,337,945,972	100

Nhận xét: Theo kết quả phân tích, thuốc đa thành phần chiếm 20,88% số khoản mục và 22,67% về giá trị. Thuốc đơn thành phần chiếm ưu thế với 79,12% số khoản mục, chiếm 77,23% giá trị.

Như vậy, TTYT huyện Yên Sơn đã thực hiện tốt hướng dẫn của BHYT về

việc lựa chọn thuốc thành phẩm sử dụng trong bệnh viện, đó là ưu tiên sử dụng thuốc đơn thành phần, chỉ sử dụng thuốc đa thành phần khi đã được chứng minh về hiệu quả [11].

đ) Cơ cấu DMT sử dụng theo thuốc biệt dược gốc (BDG) và thuốc generic

Bảng 5. Cơ cấu DMT sử dụng theo thuốc BDG và thuốc generic

STT	Nhóm thuốc	Số khoản mục		Giá trị tiền	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc generic	336	98,82	8,327,841,480	99,88
2	Thuốc BDG	4	1,18	10,104,492	0,12
Tổng		340	100	8,377,945,972	100

Nhận xét: TTYT huyện Yên Sơn sử dụng thuốc generic trong điều trị với tỷ lệ rất cao, lên tới 98,82% số khoản mục tương ứng 99,88% tổng giá trị tiền thuốc hóa dược của TTYT. Tỷ lệ thuốc BDG được sử dụng rất thấp với 1,18% số khoản mục và 0,12% giá trị.

Kết quả này cũng tương đồng so với kết quả nghiên cứu tại TTYT huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên năm 2019 với tỷ lệ thuốc generic trong DMT sử dụng là với 98,52% số khoản mục và 99,44%

giá trị [5]; tại TTYT huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình năm 2018, thuốc generic chiếm 96,3% số khoản mục và 98,9% giá trị [8]; tại Bệnh viện Đa khoa huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La năm 2018, thuốc generic sử dụng chiếm 97,3% số khoản mục và 98,25% tổng kinh phí sử dụng [9].

Số liệu trên thể hiện TTYT huyện Yên Sơn đã ưu tiên thuốc generic trong DMT sử dụng.

e) Cơ cấu DMT sử dụng theo đường dùng

Bảng 6. Cơ cấu DMT theo đường dùng

STT	Đường dùng	Số khoản mục		Giá trị tiền	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đường tiêm, tiêm truyền	99	29,12	2,433,477,049	29,19
2	Đường uống	204	60	5,475,008,463	65,45
3	Đường dùng khác	37	10,88	477,460,460	5,36
Tổng		340	100	8,377,945,972	100

Nhận xét: Phân tích DMT theo đường dùng của TTYT huyện Yên Sơn năm 2022 cho thấy: Tỷ lệ thuốc đường uống cao nhất với 60% số khoản mục và 65,45% giá trị. Nhóm thuốc tiêm, tiêm truyền có số loại thuốc ít hơn nhóm thuốc đường uống, với 99 khoản mục (29,12%) nhưng giá trị cao hơn với 29,19% tổng kinh

phí mua thuốc.

Số khoản mục và giá trị sử dụng thuốc tiêm tại TTYT huyện Yên Sơn cao hơn TTYT Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận: Thuốc tiêm chỉ chiếm 14,47% số khoản mục và 13,42% tổng giá trị tiền thuốc [10].

g) Tỷ lệ thuốc được sử dụng so với thuốc trúng thầu

Bảng 7. Tỷ lệ sử dụng thực tế so với số lượng trúng thầu

STT	Nhóm thuốc theo tỷ lệ sử dụng	Số lượng khoản mục	Tỷ lệ (%)
1	Không sử dụng	45	12,03
2	Sử dụng dưới 80%	310	82,89
3	Sử dụng từ 80 đến 120%	19	5,08
4	Sử dụng trên 120%	0	0
Tổng		374	100

Nhận xét: Trong 374 số khoản mục thuốc trong DMT trúng thầu thì có 45 thuốc không sử dụng (12,03%), trong khi DMT được sử dụng có 340 khoản mục. Như vậy, đã có 11 thuốc chiếm 2,94% phải mua sắm thêm theo hình thức khác (ngoài hình thức đấu thầu) để phục vụ cho công tác khám chữa bệnh. Hình thức này chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng cũng gây lãng phí thời gian, nhân lực và chi phí, đặc biệt gây khó khăn cho công tác cung ứng thuốc của TTYT khi nhu cầu điều trị đòi hỏi phải có thuốc kịp thời. Bên cạnh đó, tỷ lệ các thuốc sử

dụng thấp hơn 80% khá cao (82,89%) đòi hỏi TTYT cần thường xuyên định kỳ phân tích DMT của kỳ trước để làm căn cứ quan trọng xây dựng DMT kỳ sau được sát hơn, loại ra các thuốc không cần thiết, bổ sung thêm các thuốc có nhu cầu trong điều trị và xây dựng DMT phù hợp hơn với thực tế tại TTYT.

3.2. Kết quả phân tích DMT sử dụng tại TTYT huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang năm 2022 theo phân tích ABC/VEN

a) Kết quả phân tích danh mục thuốc theo phân tích ABC

Bảng 8. Cơ cấu DMT theo phân tích ABC

STT	Hạng	Số khoản mục		Giá trị tiền	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Hạng A	110	32,35	6,663,593,471	79,92
2	Hạng B	87	25,59	1,252,738,000	15,02
3	Hạng C	143	42,06	421,614,501	5,06
Tổng		340	100	8,337,945,972	100

Nhận xét: Kết quả phân tích ABC đã chỉ ra rằng: Nhóm A với 79,92% giá trị tiền thuốc tương ứng với 110 số khoản mục (chiếm 32,35%). Nhóm B gồm 87 số khoản mục (25,59%) và 15,02% giá trị. Thuốc nhóm C chiếm 42,06% số khoản mục nhưng chỉ chiếm 5,06% giá trị.

Điều này cũng gặp ở một số đơn vị tuyến huyện khác như TTYT Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận, tỷ lệ cơ cấu thuốc nhóm A cũng chiếm tới 25,77% khoản mục với 79,58% giá trị [10].

Các thuốc nhóm A dù chỉ chiếm 32,35% trong phân tích ABC nhưng do số lượng sử dụng lớn hoặc giá cao nên kinh phí mua là rất lớn với giá trị hơn 6,5 tỷ chiếm gần 80%. Sau khi xác định được các thuốc chiếm phần lớn chi phí, TTYT có thể cân nhắc thay đổi một số tiêu chí trong lựa chọn thuốc, tìm kiếm nhà phân phối có giá phù hợp hơn đối với những thuốc được sử dụng với tần suất cao, số lượng dùng lớn.

b) Kết quả phân tích danh mục thuốc theo phân tích VEN

Bảng 9. Cơ cấu DMT theo phân tích VEN

STT	Nhóm thuốc	Số khoản mục		Giá trị tiền	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Nhóm V	150	44,12	3,814,551,662	45,75
2	Nhóm E	166	48,82	4,241,417,301	50,87
3	Nhóm N	24	7,06	281,977,009	3,38
Tổng		340	100	8,337,945,972	100

Nhận xét: Trong danh mục 340 khoản mục thuốc được sử dụng tại TTYT huyện Yên Sơn năm 2022, có 150 khoản mục thuốc quan trọng được xếp vào nhóm V với 44,12% số khoản mục và chiếm 45,75% giá trị. Nhóm E chiếm tỷ lệ cao nhất với 166 số khoản mục (48,82%) và 50,87% giá trị. Cuối cùng là nhóm N, chiếm 7,06% về số khoản mục và 3,38% giá trị.

So sánh với các nghiên cứu tại bệnh viện đa khoa tuyến huyện, đều cho kết quả nhóm E là nhóm có số khoản mục và giá trị chiếm tỷ lệ cao nhất trong DMT và tỷ lệ 2 nhóm V, N có sự khác nhau giữa các bệnh viện. Trong DMT tại TTYT huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình năm 2018, thuốc nhóm V chiếm 21,8% số khoản mục và 5% giá trị, thuốc nhóm N chiếm 17,3% số khoản mục và 17,2% giá trị [8]. DMT trong Bệnh viện Đa khoa huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La năm 2018, 25,07% số khoản mục và 8,6% giá trị là thuốc

nhóm V và nhóm N chiếm 15,9% số khoản mục, tương ứng 17,98% giá trị tiền thuốc.

Sự khác nhau về tỷ lệ các thuốc nhóm V giữa các bệnh viện là do khi xếp loại phân biệt các thuốc nhóm V và E, các bệnh viện có sự đánh giá khác nhau do mô hình bệnh tật khác nhau, đặc thù và mức độ quan trọng của cùng một loại thuốc khác nhau.

Tỷ lệ các thuốc nhóm N của Trung tâm Y tế huyện Sông Lô thấp hơn so với bệnh viện tuyến huyện là Bệnh viện Đa khoa huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La năm 2018 và TTYT huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình năm 2018. Đây là nhóm thuốc Hội đồng thuốc và điều trị trong các bệnh viện cần phải xem xét lại nhu cầu điều trị trong những năm kế tiếp, từ đó, cân nhắc hạn chế mua hoặc loại bỏ khỏi danh mục một số thuốc không cần thiết để tiết kiệm chi phí [8, 9].

c) *Kết quả phân tích danh mục thuốc theo phân tích ABC/VEN*

Bảng 10. Cơ cấu DMT theo phân tích ma trận ABC/VEN

Hạng	Nhóm	Số khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Hạng A	V	45	13,24	3,195,147,619	38,32
	E	62	18,24	3,318,139,552	39,80
	N	3	0,88	150,306,300	1,80
Hạng B	V	30	8,82	442,900,513	5,31
	E	52	15,29	744,312,793	8,93
	N	5	1,47	65,524,694	0,79
Hạng C	V	75	22,06	176,503,530	2,12
	E	52	15,29	178,964,956	2,15
	N	16	4,70	66,146,015	0,79
Tổng		340	100	8,337,945,972	100

Bảng 11. Cơ cấu DMT theo phân tích ma trận ABC/VEN theo nhóm

Nhóm	Số khoản mục		Giá trị tiền	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I	215	63,24	7,282,997,514	87,35
II	109	32,06	988,802,443	11,86
III	16	4,70	66,146,015	0,79
Tổng	340	100	8,337,945,972	100

Nhận xét:

Nhóm I (AV,AE,AN,BV,CV) có 215 sản phẩm, chiếm 63,24% số khoản mục và 87,35% giá trị. Trong đó, nhóm AV với 13,24% về số khoản mục và 38,32% về giá trị; nhóm AE với 18,24% về số khoản mục và 39,80% về giá trị; nhóm thuốc AN gồm 03 thuốc, chiếm tỷ lệ 0,88% số khoản mục và 1,80% giá trị; nhóm BV với 8,82% về số khoản mục và 5,31% về giá trị; nhóm CV với 22,06% về số khoản mục và 2,12% về giá trị.

Nhóm III gồm nhóm CN gồm 16 khoản mục (4,7%) và chiếm 0,79% về chi phí sử dụng thuốc. Các thuốc thuộc nhóm CN hầu hết có đường dùng là uống, nhỏ mắt, nhỏ mũi, đường dùng ngoài. Đây là các thuốc được giám sát ở mức độ thấp nhất, là các thuốc có giá trị thấp và dùng trong các trường hợp bệnh nhẹ. TTYT có thể cân nhắc khi lựa chọn vào danh mục thuốc sử dụng của bệnh viện vào năm tiếp theo.

So sánh với TTYT huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn năm 2019, có nhóm AN với 15 khoản mục (3,68%), chiếm 24,03% giá trị [5]. Nhóm AN sử dụng tại TTYT huyện Yên Sơn thấp hơn về giá trị.

Đồng thời, kết quả phân tích ABC/VEN tại TTYT huyện Yên Sơn cho thấy việc sử dụng thuốc tương đối hợp lý, nhóm AN, BN, CN chiếm tỉ lệ không cao về số khoản mục và giá trị tiền thuốc. Tuy nhiên, nhóm thuốc N là

những thuốc dùng trong các trường hợp bệnh nhẹ, bệnh tự khỏi, cần cân nhắc hạn chế, loại bỏ một số thuốc không cần thiết khỏi DMT sử dụng nhằm giảm chi phí, cũng như giảm gánh nặng cho ngân sách TTYT và bệnh nhân.

4. Kết luận

DMT sử dụng tại TTYT huyện Yên Sơn bao gồm 340 khoản mục, trong đó, phần lớn là thuốc hóa dược 340 khoản mục chia thành 20 nhóm tác dụng dược lý, nhóm thuốc chống nhiễm khuẩn đứng đầu (26,47% số khoản mục và 45,5% giá trị), trong đó, chủ yếu là thuốc kháng sinh. Thuốc nội (chiếm 73,24% số khoản mục và 76,48% về giá trị) cao hơn thuốc ngoại. Thuốc đơn thành phần được ưu tiên sử dụng với số khoản mục chiếm 79,12%. Thuốc generic chiếm tỷ lệ sử dụng chủ yếu (98,82% số khoản mục và 99,88% giá trị). Thuốc đường uống chiếm tỷ lệ cao nhất với 60% về số khoản mục và 65,45% giá trị. Về so sánh DMT sử dụng so với DMT trúng thầu: trong tổng số 374 thuốc trúng thầu, thuốc không được sử dụng chiếm 12,03% số khoản mục (45 thuốc). Trong 329 thuốc trúng thầu được sử dụng, thuốc sử dụng chưa tới 80% số lượng trúng thầu, chiếm 82,89% số khoản mục; thuốc sử dụng trên 80% đến 120% chiếm 5,08% số khoản mục, không có thuốc nào sử dụng trên 120%.

Kết quả phân tích ABC cho thấy: nhóm A gồm 110 khoản mục tương ứng

với 32,35% tổng DMT (thông thường, chiếm 10-20%), chiếm 79,92% giá trị. Nhóm B gồm 87 khoản mục, tương ứng 25,59% tổng DMT (thông thường, chiếm 10-20%), tương ứng 15,02% giá trị. Nhóm C chiếm 42,06% số khoản mục (thông thường, chiếm 60-80%), nhưng chỉ chiếm 5,06% giá trị. Kết quả phân tích VEN cho thấy: các nhóm V,

E, N lần lượt chiếm 44,12%; 48,82%; 7,06% số khoản mục, tương ứng với 45,75%; 50,870%; 3,38% giá trị.

Những số liệu phân tích DMT theo các phương pháp trên tại TTYT huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang năm 2022 đã giúp cho hoạt động cung ứng thuốc tại đơn vị phù hợp hơn với mô hình bệnh tật, ngày càng hợp lý và kinh tế hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1]. WHO, *Model Lists of Essential Medicines*, 20th List. WHO, 2017.
- [2]. Bộ Y tế, *Hội nghị đánh giá thực hiện chỉ thị 05/2004/CT-BYT về việc chấn chỉnh công tác dược bệnh viện*, 2004.
- [3]. Cao Thị Thu Trang, “*Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình năm 2018*”, Luận văn Dược sĩ chuyên khoa I, Đại học Dược Hà Nội, 2019.
- [4]. Lương Quốc Tuấn, “*Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An năm 2016*”, Luận văn Dược sĩ chuyên khoa cấp II, Đại học Dược Hà Nội, 2018.
- [5]. Lương Văn Tiến, “*Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên năm 2019*”, Luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp 1, Trường Đại học Dược Hà Nội - 2020.
- [6]. Đồng Thị Hương, “*Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện An Dương, Hải Phòng năm 2019*”, Luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp 1, Trường Đại học Dược Hà Nội – 2020.
- [7]. Bộ Y tế, *Quyết định số 4824/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam”*, 2012.
- [8]. Hoàng Tú Anh, “*Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình năm 2018*”, Luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp I, Trường đại học Dược Hà Nội, Hà Nội – 2020.
- [9]. Hà Thị Thu Hương, “*Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La năm 2018*”, Luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp 1, Trường Đại học Dược Hà Nội - 2020.
- [10]. Nguyễn Hữu Thuận, “*Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận năm 2018*”, Luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp 1, Trường Đại học Dược Hà Nội – 2020.
- [11] Bộ Y Tế, *Thông tư số 21/2013/TT-BYT quy định về tổ chức và hoạt động của hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện*, ban hành ngày 08/08/2013.